

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ý Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 1457/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; số 814/QĐ-UBND ngày 9/4/2020; số 1071/QĐ-UBND ngày 06/5/2020; số 1293/QĐ-UBND ngày 29/5/2020; số 1349/QĐ-UBND ngày 09/6/2020, số 2072/QĐ-UBND ngày 19/8/2020; số 565/QĐ-UBND ngày 11/3/2021; số 2855/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, số 977/QĐ-UBND ngày 26/5/2022, số 1361/QĐ-UBND ngày 1/8/2022; số 1748/QĐ-UBND ngày 20/9/2022, số 1930/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện Ý Yên các năm 2020, 2021, 2022;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định: số 109/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của UBND huyện Ý Yên tại tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 22/12/2022, số 329/TTr-UBND ngày 22/12/2022, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 4488/TTr-STNMT ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ý Yên và hồ sơ kèm theo.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hủy bỏ danh mục công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau 3 năm chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ý Yên, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ danh mục công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhưng sau 3 năm chưa thực hiện trên địa bàn huyện Ý Yên với tổng số 62 công trình, dự án với tổng diện tích 85,51 ha. Cụ thể:

- Đất an ninh (12 công trình, dự án) : 2,30 ha;
- Đất ở nông thôn (10 công trình, dự án) : 15,47 ha;
- Đất ở đô thị (đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở) : 0,66 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo (5 công trình, dự án) : 3,87 ha;
- Đất cơ sở thể dục - thể thao (1 công trình, dự án) : 0,35 ha;
- Đất giao thông (5 công trình, dự án) : 19,50 ha;
- Đất thủy lợi (4 công trình, dự án) : 0,80 ha;
- Đất năng lượng (1 công trình, dự án) : 0,67 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải (1 công trình, dự án) : 8,50 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (6 công trình, dự án) : 0,96 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng (1 công trình, dự án) : 0,05 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (2 công trình, dự án) : 0,27 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ (2 công trình, dự án) : 0,70 ha;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (7 công trình, dự án) : 10,85 ha;
- Đất nông nghiệp khác (3 công trình, dự án) : 11,20 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản (2 công trình, dự án) : 9,36 ha.

(có phụ lục I chi tiết kèm theo)

2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ý Yên với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>24.612,54</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>16.607,19</b>	<b>67,47</b>
	Trong đó:			

1.1	Đất trồng lúa	LUA	13.136,11	53,37
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	11.267,18	45,78
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	751,34	3,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	913,54	3,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	26,29	0,11
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.565,37	6,36
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	214,54	0,87
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>7.887,78</b>	<b>32,05</b>
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,02	0,06
2.2	Đất an ninh	CAN	2,27	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	314,00	1,28
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	141,68	0,58
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	54,15	0,22
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	254,59	1,03
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	42,74	0,17
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.355,43	17,70
2.8.1	Đất giao thông	DGT	2.238,01	9,09
2.8.2	Đất thủy lợi	DTL	1.509,33	6,13
2.8.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,01	0,00
2.8.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,65	0,04
2.8.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	93,95	0,38
2.8.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,75	0,06
2.8.7	Đất công trình năng lượng	DNL	5,38	0,02
2.8.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,65	0,01
2.8.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	24,75	0,10
2.8.10	Đất cơ sở tôn giáo	TON	80,75	0,33
2.8.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	366,15	1,49
2.8.12	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
2.8.13	Đất chợ	DCH	8,07	0,03
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	30,49	0,12
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	26,52	0,11
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.678,00	6,82
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	80,37	0,33
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,87	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,03	0,02
2.16	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	36,75	0,15
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	532,89	2,17
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	276,23	1,12

2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17,76	0,07
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>117,57</b>	<b>0,48</b>

## 2.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>		
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>418,75</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	<b>380,52</b>
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	373,02
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,60
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	23,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,16
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>81,03</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,21
2.3	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,51
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	55,11
2.4.1	Đất giao thông	DGT	32,23
2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	18,06
2.4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,23
2.4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,54
2.4.5	Đất công trình năng lượng	DNL	0,01
2.4.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,42
2.4.7	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,09
2.4.8	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,26
2.4.9	Đất chợ	DCH	1,27
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,88
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,23
2.7	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	17,63
2.9	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,44

## 2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>551,69</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	497,08
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	476,70
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	16,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	10,60

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	27,40
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,25
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	11,18
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	59,82
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	2,00
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>11,61</b>

2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023:

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG</b>		<b>9,19</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9,19</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,07
2.2	Đất khu công nghiệp	SKK	0,06
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,01
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,07
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,57
2.5.1	Đất giao thông	DGT	0,40
2.5.2	Đất thủy lợi	DTL	0,17
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,41

2.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 của huyện Ý Yên (Có phụ lục II chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao UBND huyện Ý Yên chỉ đạo các phòng, ban liên quan:

- Công bố công khai các công trình, dự án hủy bỏ được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất mà sau 3 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan, chỉ tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ý Yên, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Lưu: VP1, VP6, VP3.
- KH04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Dũng**